

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm;
nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2023**

(Phục vụ Kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026)

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2023 như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của địa phương

1. Về công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ và Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước (cơ quan, đơn vị, địa phương) trên địa bàn tỉnh quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân thực hiện các quy định, chính sách, pháp luật về THTK, CLP như:

- Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023;

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật THTK, CLP gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Mở rộng các hình thức tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan; lồng ghép

tuyên truyền THPTK, CLP trong các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị cán bộ công chức, viên chức của cơ quan.

- Các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo địa phương luôn bám sát, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về THPTK, CLP tới đông đảo nhân dân trong tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

Ngày 31/01/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 75/QĐ-UBND về Chương trình THPTK, CLP năm 2023 của tỉnh. Trong đó, đề ra các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm và một số chỉ tiêu để triển khai thực hiện THPTK, CLP trên địa bàn tỉnh trong năm 2023; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng chương trình THPTK, CLP nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ nội dung trọng tâm và các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP gắn với việc thanh tra, kiểm tra, giám sát.

b) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Giám đốc các sở, ban, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được UBND tỉnh quyết định thành lập khẩn trương xây dựng, ban hành Chương trình THPTK, CLP năm 2023 của sở, ngành, địa phương, đơn vị. Trong đó yêu cầu mỗi cấp, mỗi ngành cần cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí; xác định rõ nhiệm vụ, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm thuộc địa bàn, lĩnh vực phụ trách cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện trong năm 2023 để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra.

Cùng với đó, UBND tỉnh thường xuyên quán triệt các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố về việc:

- Xác định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi để xảy ra lãng phí tại cơ quan, đơn vị; trách nhiệm trong việc thực hiện kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lãng phí.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP năm 2023; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THPTK, CLP và việc thực hiện Chương trình THPTK, CLP trong phạm vi quản lý.

- Tăng cường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình THPTK, CLP. Thực hiện công khai trong THPTK, CLP, đặc biệt là công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí; nâng cao chất lượng đánh giá kết quả THPTK, CLP đảm bảo so sánh một cách thực chất và minh bạch kết quả THPTK, CLP giữa các cơ quan, đơn vị.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPTK, CLP

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật THPTK, CLP và pháp luật chuyên ngành; chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể liên quan đến THPTK, CLP, trong đó chú trọng xây dựng kế hoạch và tập trung tổ chức kiểm tra, thanh tra một số nội dung, lĩnh vực trọng điểm như: Quản lý và sử dụng đất, trọng tâm là các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm sử dụng đất; tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư công; quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ.

II. Kết quả THPTK, CLP

1. Kết quả THPTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

1.1. THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong 06 tháng đầu năm 2023, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đã ban hành mới 40 văn bản (*đạt 105,26% so với kế hoạch, bằng 74,07% so với năm 2022*); sửa đổi, bổ sung 6 văn bản (*đạt 66,67% so với kế hoạch, bằng 26,09% so với năm 2022*) quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu nội bộ. Các cơ quan, đơn vị chỉ trình cấp thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết.

Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ là 8 cuộc (*đạt 13,33% so với kế hoạch, bằng 36,36% so với năm 2022*).

1.2. THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán

Để thực hiện tốt chỉ đạo của Trung ương về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, UBND tỉnh đã chỉ đạo việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các cơ quan, ban, ngành, UBND các cấp phải gắn với các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt phân bổ dự toán; quản lý, sử dụng kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước chặt chẽ. Kết quả cụ thể như sau:

- Đối với thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: trong 06 tháng đầu năm 2023, tổng số kinh phí tiết kiệm được là 69.912/139.824 triệu đồng, đạt 50% so với tổng dự toán TW giao năm 2023, trong đó: cấp tỉnh thực hiện là 32.159 triệu đồng; cấp huyện, thành phố là 37.753 triệu đồng.

- Đối với thực hiện thẩm định dự toán của các đơn vị: Tổng kinh phí các đơn vị đề nghị là 1.021.551 triệu đồng; số kinh phí thẩm định là 767.029 triệu đồng; Số kinh phí tiết kiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt dự toán là 254.522 triệu đồng.

b) Trong quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

- Về chi quản lý hành chính: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hạn chế tối đa việc tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, chi đoàn ra, đoàn vào; không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi quà biếu, quà tặng không đúng chế độ quy định. Kết quả 06 tháng đầu năm tiết kiệm 1.340 triệu đồng (đạt 25,61% kế hoạch năm 2023, bằng 13,85% so với năm 2022), trong đó:

- + Tiết kiệm văn phòng phẩm: 144 triệu đồng;
- + Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc: 126 triệu đồng;
- + Tiết kiệm sử dụng điện: 81 triệu đồng;
- + Tiết kiệm xăng dầu: 181 triệu đồng;
- + Tiết kiệm nước sạch: 16 triệu đồng;
- + Tiết kiệm công tác phí: 140 triệu đồng;
- + Tiết kiệm tổ chức hội nghị, hội thảo: 62 triệu đồng;
- + Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm: 402 triệu đồng;
- + Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc: 187 triệu đồng.

- Trong quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

UBND tỉnh đã thực hiện phân khai dự toán chương trình mục tiêu từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và vốn đối ứng ngân sách của địa phương theo danh mục và kế hoạch vốn đã được phê duyệt; việc phân bổ tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức theo quy định của Trung ương và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: sử dụng kinh phí đúng mục đích, không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác, ưu tiên bố trí kinh phí cho nhiệm vụ kết thúc trong năm 2023.

- Về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo: Tiếp tục đảm bảo chi cho các hoạt động chung của ngành có hiệu quả, tiết kiệm. Mọi hoạt động đều phải có kế hoạch, dự toán được lãnh đạo phê duyệt trước khi thực hiện. Việc thanh, quyết toán đảm bảo đầy đủ các thủ tục theo quy định của nhà nước, tránh lãng phí trong sử dụng ngân sách.

c) Trong sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ

Trong 06 tháng đầu năm, số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, không đúng chế độ đã phát hiện được là 29 đơn vị (*bằng 96,67% so với năm 2022*). Số tiền chi không đúng quy định đã phát hiện là 359 triệu đồng (*bằng 43,56% so với năm 2022*).

1.3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện mua sắm tài sản theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành, đặc biệt phải tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản có liên quan, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; cùng với đó, đẩy mạnh việc mua sắm tập trung để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm trong mua sắm tài sản.

Đối với mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại: Tiếp tục rà soát xe ô tô tại các cơ quan, đơn vị, theo dõi quản lý chặt chẽ, bố trí sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo tiêu chuẩn định mức tại Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng.

1.4. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

- Việc bố trí vốn chi đầu tư được thực hiện đúng theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản có liên quan. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư xây dựng các dự án đảm bảo theo kế hoạch; tập trung hoàn tạm ứng ngân sách và quyết toán các dự án hoàn thành theo quy định; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn đã được phân bổ trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Qua đó, đã tiết kiệm được 4.182 triệu đồng so với dự toán được phê duyệt (*bằng 11,72% so với năm 2022*).

- Đối với việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố hoàn thiện hồ sơ, giấy tờ pháp lý của các cơ sở nhà, đất theo phương án tổng thể được phê duyệt. Kết quả, giảm do sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất là 2.829 m².

1.5. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

Trong 06 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng từng loại tài nguyên đất, nước, khoáng sản... để góp phần THTK,CLP trong việc khai thác và sử dụng tài nguyên, thực hiện nghiêm túc các quy định, quyết định trong việc tái tạo, bảo vệ phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Cùng với đó, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan tăng cường công tác kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, nghĩa vụ theo quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác khoáng sản gắn với công tác bảo vệ môi trường; thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh nhằm ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, làm thất thoát tài nguyên khoáng sản của nhà nước.

Kết quả 06 tháng đầu năm 2023, đã xử lý 02 vụ và thu phạt trong lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác với số tiền là 130,394 triệu đồng.

1.6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Đối với công tác quản lý sử dụng lao động, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan tinh gọn, hoạt động có hiệu quả; triển khai sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, hoạt động hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CCVCNLĐ để sử dụng hiệu quả chi thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống thu nhập cho công chức, người lao động; thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của CCVCNLĐ; nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong quản lý CCVCNLĐ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế về thời gian làm việc.

1.7. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

Thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư, quản lý tài chính, mua sắm, phân phối thu nhập, công tác cán bộ; nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, sử dụng đất, tài sản đúng mục đích được giao.

1.8. Trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng quy định; UBND tỉnh chỉ đạo thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các Quỹ để có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng các Quỹ. Nhìn chung, các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước của tỉnh hoạt động hiệu quả, góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện một số mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương.

1.9. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan truyền thông, các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về THTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.

2. Đánh giá chung

2.1. Đánh giá kết quả đạt được

Trên cơ sở Chương trình THTK, CLP năm 2023 của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã khẩn trương triển khai và xây dựng, ban hành Chương trình, kế hoạch THTK, CLP của ngành, đơn vị, địa phương; thường xuyên tuyên truyền phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THTK, CLP đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

Các ngành, các cấp quản lý thu, chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả hơn; cơ cấu chi ngân sách có chuyển biến tích cực, tập trung nhiều nguồn lực hơn cho chi đầu tư phát triển, bước đầu đã khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải; bảo đảm các khoản chi an sinh xã hội và các lĩnh vực quan trọng.

Thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan đã góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Kiểm soát chặt chẽ công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; hồ sơ thẩm định quyết toán; công tác đấu thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự án sử dụng ngân sách Nhà nước; thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật đã góp phần tránh lãng phí trong việc sử dụng đất đai, sử dụng đúng mục đích đề ra.

Các doanh nghiệp quản lý vốn Nhà nước đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý, mở rộng kinh doanh, tăng cường quản lý các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm trong định mức.

2.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác THTK, CLP còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

a) Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP

Chương trình THTK, CLP của một số cơ quan, đơn vị còn chung chung, không xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo, chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của từng đơn vị để đặt ra chương trình hành động thiết thực; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác THTK, CLP, tự kiểm tra chưa được phát huy.

Chế độ thực hiện thông tin, báo cáo của một số các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và doanh nghiệp chưa kịp thời, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu, số liệu báo cáo chưa đầy đủ, khó khăn cho công tác tổng hợp báo cáo tình hình THTK, CLP của tỉnh.

b) Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công trong 6 tháng đầu năm vẫn còn thấp so với kế hoạch vốn giao, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Nguyên nhân chậm do tâm lý chủ quan của một số chủ đầu tư, chưa quyết liệt chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ những tháng đầu năm. Mặt khác quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, công tác lựa chọn nhà thầu, giải phóng mặt bằng còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

c) Về quản lý, sử dụng tài sản công

Việc quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến cơ sở nhà, đất chưa chặt chẽ. Một số đơn vị chưa thật sự quan tâm chỉ đạo trong công tác sắp xếp nhà, đất theo quy định; có đơn vị nghiên cứu, cập nhật các quy định chưa đầy đủ dẫn đến việc thực hiện thống kê còn sai các biểu mẫu, kê khai chưa đầy đủ cơ sở nhà, đất,... Các cơ quan, địa phương phải rà soát lại các số liệu cho phù hợp với quy định mới, làm kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Một số đơn vị chưa nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác quản lý, sử dụng tài sản công, chưa chấp hành đầy đủ các chế độ báo cáo tài sản công.

a) Về kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP

Việc kiểm tra, tự phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế. Hầu hết các vụ việc được phát hiện do quá trình kiểm tra, thanh tra của cơ quan các cấp.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong 6 tháng cuối năm 2023

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THTK, CLP 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong 06 tháng cuối năm 2023 như sau:

1. Trong công tác quán triệt, tuyên truyền về THTK, CLP

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP tại từng cơ quan, tổ chức, cá nhân, cả khu vực công cũng như khu vực tư để THTK, CLP thực sự trở thành văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

2. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và báo cáo việc thực hiện Chương trình THTK, CLP theo hướng vừa đảm bảo tính tổng thể, toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm.

3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án đầu tư, lựa chọn tư vấn có năng lực, kinh nghiệm, tiềm lực thực sự, khắc phục tối đa tình trạng điều chỉnh dự án khi đang triển khai, gây mất thời gian và làm chậm tiến độ giải ngân vốn.

Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn. Có chế tài xử lý nghiêm theo quy định pháp luật đối với các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

4. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

Tiếp tục thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công để từng bước cập nhật, quản lý thông tin của tất cả các tài sản công được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm.

5. Trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật bằng các hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; rà soát, đánh giá đúng thực trạng các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất trên phạm vi toàn tỉnh, đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức chỉ đạo, thực hiện có

hiệu quả các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm giải phóng nguồn lực đất đai, đẩy nhanh việc thực hiện dự án, đưa đất đai vào sử dụng có hiệu quả, phát huy nguồn lực đất đai.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPTK, CLP

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật THPTK, CLP và pháp luật chuyên ngành. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể liên quan đến THPTK, CLP, trong đó cần chú trọng:

- Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

- Đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân để xảy ra lãng phí. Quyết liệt trong xử lý kết quả thanh tra, kiểm tra để thu hồi tối đa cho Nhà nước tiền, tài sản bị vi phạm, chiếm đoạt, sử dụng sai quy định, lãng phí phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT, TH (TR).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

UBND TỈNH CAO BẰNG

Phụ lục số 01

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TRỰC THUỘC TỈNH**

Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số 1506/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	54	38	40	74,07%	105,26%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	23	9	6	26,09%	66,67%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	22	60	8	36,36%	13,33%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện, xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi hành tiền VNĐ)	Triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng	544.325		254.522			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	124.708	139.824	69.912	56,06%	50,00%	
	<i>Trong đó: - Các đơn vị dự toán cấp tỉnh</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>57.365</i>	<i>64.318</i>	<i>32.159</i>	<i>56,06%</i>	<i>50,00%</i>	
	<i>- Ngân sách cấp huyện, thành phố</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>67.343</i>	<i>75.506</i>	<i>37.753</i>	<i>56,06%</i>	<i>50,00%</i>	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN (cộng từ 2.1+ + đến 2.7)							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	Triệu đồng	9.672	5.232	1.340	13,85%	25,61%	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.026</i>	<i>654</i>	<i>144</i>	<i>14,04%</i>	<i>22,02%</i>	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>731</i>	<i>449</i>	<i>126</i>	<i>17,24%</i>	<i>28,09%</i>	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>781</i>	<i>448</i>	<i>81</i>	<i>10,31%</i>	<i>18,00%</i>	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.148</i>	<i>720</i>	<i>181</i>	<i>15,78%</i>	<i>25,16%</i>	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>323</i>	<i>197</i>	<i>16</i>	<i>5,01%</i>	<i>8,21%</i>	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.935</i>	<i>567</i>	<i>140</i>	<i>7,25%</i>	<i>24,75%</i>	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>394</i>	<i>462</i>	<i>62</i>	<i>15,83%</i>	<i>13,50%</i>	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.272</i>	<i>1.067</i>	<i>402</i>	<i>31,64%</i>	<i>37,69%</i>	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>2.062</i>	<i>634</i>	<i>187</i>	<i>9,06%</i>	<i>29,47%</i>	
	<i>Tiết kiệm từ kinh phí tiền lương được cấp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>607</i>	<i>35</i>			<i>0,00%</i>	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	Triệu đồng						

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại	Triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	604					
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>Triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...</i>	<i>Triệu đồng</i>	530					
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	74					
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>Triệu đồng</i>						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	46.589	10.621	263	0,56%	2,48%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng	0					
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng	0					
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	475	483	483			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	30		29	96,67%		
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	824		359	43,56%		
4	Các nội dung khác	Triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (xe ô tô)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	316	316	316	100,00%	100,00%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận đ/chuyển)	Chiếc		25				

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc		12				
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, đ/chuyển, thu hồi	Tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng						
3	Các nội dung khác	Triệu đồng						
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	35.678		4.182	11,72%		
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	8.835		94	1,07%		
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	Triệu đồng	23.052		2.451	10,63%		
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	2.413		1.102	45,65%		
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	1.377		534	38,80%		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
	- Số lượng	Dự án						
	- Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	2.164.487	2.162.278	2.162.278			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận đ/chuyển	m2		77.959	77.959			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	2.209	2.829	2.829			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	5.593	5.593	5.593			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm P.luat	m2	9.118					
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	982		1.301	132,48%		
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	187		120	64,21%		
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, SD tài nguyên	Vụ	12		2	16,67%		
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	1.002		130	13,02%		
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
4.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Vụ						
4.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng						
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh (1.1 +...+ 1.6)							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng						
	- Tiết kiệm điện	Kw/h						
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Lít						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến k.thuật	Triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (chi phí khác)	Triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được:		952		71	7,50%		
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	Triệu đồng	952					
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	Triệu đồng			71			
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	Triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	Triệu đồng						
3	Sử dụng các nguồn kinh được cấp từ NSNN							

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	Triệu đồng						
	Số cuối kỳ	Triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	Triệu đồng						
	Số cuối kỳ	Triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả 06 tháng đầu năm 2023	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	43	26	13	30,23%	50,00%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc	33	19	9	27,27%	47,37%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	44	26	12	27,27%	46,15%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPTK, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	13					
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	1.261		6	0,46%		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	1.176		136	11,60%		

UBND TỈNH CAO BẰNG

Phụ lục số 02

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DO NHÀ NƯỚC NÂM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số 1506/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 06 đầu năm 2023	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2022	So sánh với KH 2023	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4	8 = 6/5	9
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	42	38	5	10,71%	11,84%	
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	616	529	366	59,48%	69,27%	
2.1	Tiết kiệm điện	Kw/h	293.045	230.359	161.754	55,20%	70,22%	
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	226	300	170	75,22%	56,67%	
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	30	30	17	56,67%	56,67%	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng			0			
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (chi phí khác)	Triệu đồng	46	47	23	51,20%	50,00%	
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	46	47	27	58,52%	57,26%	
II	Quản lý đầu tư xây dựng							
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án						
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án						
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		0		0			
3.1	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	0		0			
3.2	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	Triệu đồng	0		0			
3.3	Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	0		0			
3.4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	0		0			
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 06 đầu năm 2023	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2022	So sánh với KH 2023	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4	8 = 6/5	9
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	Dự án	0		0			
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng	0		0			
5	Các nội dung khác		0		0			
III	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước							
1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng						
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được	Triệu đồng	0		0			
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng	0		0			
IV	Mua sắm phương tiện							
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		0		0			
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	6	6	6	100,00%	100,00%	
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc	0		0			
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng	0		0			
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc	0		0			
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng	0		0			
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0		0			
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc	0		0			
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng	0		0			
V	Nợ phải thu khó đòi							
1	Số đầu kỳ	Triệu đồng	679	647	626	92,19%	96,75%	
2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	677	600	580	85,67%	96,67%	
VI	Vốn chủ sở hữu							
1	Số đầu năm	Triệu đồng	566.703	613.321	613.321	108,23%	100,00%	
2	Số cuối năm	Triệu đồng	569.369	615.991	614.886	107,99%	99,82%	